

Bản án số: 146/2021/DS-PT

Ngày: 10-6-2021

V/v: “*Tranh chấp yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất làm lối đi, yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm, hủy quyết định cá biệt*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Tụ

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Tiến

Ông Trần Quốc Cường

-Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Trang, Thư ký Toà án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà: Ông Trần Việt Tuấn, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 129/2021/TLPT-DS ngày 28 tháng 01 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất làm lối đi, yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm, hủy quyết định cá biệt*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2020/DS-ST ngày 19/11/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo, kháng nghị.

Giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:**

1. Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1972;

2. Bà **Lê Thị T**, sinh năm 1977;

Cùng địa chỉ: thôn A, xã B, huyện H, tỉnh Quảng Nam.

3. Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1983;

4. Bà **Võ Thị Thanh Kim H**, sinh năm 1984;

Cùng địa chỉ: thôn A, xã B, huyện H, tỉnh Quảng Nam.

5. Ông **Nguyễn Văn H1**, sinh năm 1973, (mất ngày 20/4/2021).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Bà Nguyễn Thị T (vợ ông H1).

6. Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1975;

Địa chỉ: thôn A, xã B, huyện H, tỉnh Quảng Nam.

* **Bị đơn:** Ông **Nguyễn C**, sinh năm 1953;

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Văn T1;

Địa chỉ: thôn A, xã B, huyện H, tỉnh Quảng Nam.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Nam.

2. Bà Bùi Thị Trâm, sinh năm 1959

3. Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1988

4. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1991

5. Chị Nguyễn Thị N1, sinh năm 1995

Cùng địa chỉ: thôn A, xã B, huyện H, tỉnh Quảng Nam.

6. Cụ Nguyễn Thị C

7. Bà Lê Thị N2

8. Ông Lê Văn M

Cùng địa chỉ: thôn A, xã B, huyện H, tỉnh Quảng Nam.

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ, bà Lê Thị T, bà Nguyễn Thị T; bị đơn ông Nguyễn C.

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án các nguyên đơn trình bày:*

Các nguyên đơn là một trong nhiều các hộ dân sử dụng lối đi lên núi G thuộc thôn A, xã B, huyện H để khai thác lâm sản, sử dụng đất rừng trên núi G. Năm 2007, do nhu cầu mở rộng đường để vận chuyển lâm sản từ núi G xuống, các nguyên đơn và một số hộ dân góp tiền, thuê xe mở rộng đường lên núi G, con đường này đi qua đất một số hộ dân, trong đó có 48m² đất của gia đình bị đơn được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2014, bị đơn không đồng ý cho tiếp tục sử dụng đường đi qua diện tích đất đã đổi nên các hộ dân mở con đường đi khác và trả lại 48 m² đất đã đổi năm 2007 cho bị đơn, như vậy con đường đi lên núi G không còn liên quan đến đất của bị đơn. Nhưng năm 2019, khi các hộ dân thuê xe mở đường lên để vận chuyển lâm sản thì ông Nguyễn C cản trở, không cho xe đi qua đoạn đường thuộc con đường giao thông cũ, diện tích đất tranh chấp thuộc phạm vi ông C cản trở là 31,4m². Do địa bàn rừng núi phức tạp nên sau khi ông C rào đường lại thì các hộ dân có

đất ở trên núi không vận chuyển được mía và keo sau khi thu hoạch, dẫn đến gây thiệt hại cho các hộ dân.

Do vậy các nguyên đơn yêu cầu bị đơn chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất tranh chấp thuộc đường giao thông mà nhân dân sử dụng đi lên núi G, trong đó có các nguyên đơn, và yêu cầu công nhận quyền sử dụng của các nguyên đơn đối với diện tích đất tranh chấp, phạm vi quyền sử dụng đất mà các nguyên đơn yêu cầu bị đơn chấm dứt hành vi cản trở là 31,4m² nằm trong diện tích 10.411m² đất mà cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn M năm 2009, thuộc khoảnh IV, tiểu khu 505, tại thôn A, xã B, huyện H, tỉnh Quảng Nam. Ngoài ra, các nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại do có hành vi ngăn cản các nguyên đơn vận chuyển lâm sản từ núi G xuống đường bê tông, gây thiệt hại về lâm sản cho các nguyên đơn. Cụ thể:

- Vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ, bà Lê Thị T yêu cầu ông Nguyễn C bồi thường thiệt hại 34.000.000 đồng do mía đến tuổi khai thác nhưng không khai thác được, để hư hỏng toàn bộ, gồm: 90 bó mía đã khai thác nhưng không vận chuyển được và 350 bó mía thuộc 2.109,4 m² đất trồng mía nhưng không khai thác được.

- Vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Võ Thị Thanh Kim H yêu cầu ông Nguyễn C bồi thường 5.000.000 đồng do 5 tấn keo không vận chuyển ra được dẫn đến hư hỏng toàn bộ.

- Vợ chồng ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị T yêu cầu ông Nguyễn C bồi thường thiệt hại 8 tấn keo bị hư hỏng hoàn toàn do không vận chuyển được là 8.000.000 đồng.

Các nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu của bị đơn về việc hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà cơ quan có thẩm quyền đã cấp cho ông Lê Văn M liên quan đến diện tích đất tranh chấp.

- *Bị đơn trình bày:*

Diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc của gia đình bị đơn sử dụng từ năm 1975 đến nay. Năm 2007, ông Lê Văn T2 là người trực tiếp đến nhà bị đơn để thỏa thuận đổi đất làm đường lên núi G. Đến năm 2016, ông T2 không sử dụng con đường này nữa nên đã giao lại diện tích đất đã đổi năm 2007 thuộc con đường lên núi G cho gia đình bị đơn sử dụng. Bị đơn xác định diện tích đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình bị đơn, không thừa nhận diện tích đất tranh chấp thuộc con đường công cộng. Do vậy, phía bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về buộc bị đơn chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất và công nhận các nguyên đơn có quyền sử dụng diện tích đất tranh chấp, về yêu cầu bồi thường thiệt hại, phía bị đơn cho rằng không gây ra thiệt hại cho các nguyên đơn nên không thống nhất bồi thường.

Bị đơn yêu cầu Tòa án hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện H đã cấp cho hộ ông Lê Văn M liên quan đến diện tích đất tranh chấp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Ủy ban nhân dân huyện H thống nhất với nội dung trình bày của Ủy ban nhân dân xã B trong các văn bản gửi tòa án. Cụ thể, theo báo cáo của Ủy ban nhân dân xã (*Báo cáo số 855 ngày 29 tháng 10 năm 2019 và văn bản 964 ngày 27 tháng 8 năm 2019 của UBND xã*) thì: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông M là đảm bảo các quy định của pháp luật tại thời điểm cấp giấy; hiện tại theo hồ sơ quản lý đất đai tại địa phương không thể hiện con đường công cộng theo yêu cầu của các nguyên đơn; việc nhóm hộ dân mở đường đi năm 2007 không xin phép chính quyền cấp huyện, và Ủy ban nhân dân huyện cũng không nhận được thông tin gì về việc này; huyện không nhận được khiếu nại, tranh chấp gì từ việc mở đường đi của các nguyên đơn vào năm 2007. Đến năm 2019, khi tiếp công dân thì huyện mới tiếp nhận thông tin về tranh chấp của các hộ dân và đã triển khai các biện pháp nghiệp vụ liên quan nhưng các bên giữ quan điểm, không thống nhất phương án hòa giải.

Về quan điểm, Ủy ban nhân dân huyện ủng hộ nguyện vọng của người dân mở con đường công cộng để khai thác lâm sản, nhưng cần bảo đảm các quyền lợi của cá nhân, tổ chức liên quan theo luật định; việc mở con đường theo yêu cầu của các nguyên đơn không ảnh hưởng đến quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương hiện nay.

- Ông Lê Văn M hoàn toàn đồng ý với việc các hộ dân mở đường lên núi G năm 2007 và sử dụng diện tích đất tranh chấp làm đường lên núi G sau này; ông M khẳng định diện tích đất tranh chấp thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà gia đình ông được cấp năm 2009 nhưng gia đình ông không sử dụng, về yêu cầu của bị đơn về hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất liên quan đến diện tích đất tranh chấp thì ông M đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Ông Nguyễn Văn T1 đại diện cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quan điểm thống nhất ý kiến với bị đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2020/DS-ST ngày 19/11/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Áp dụng các điều 26, 34, 39, 217, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính; các điều 11, 15, 160, 161, 163, 169, 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 9 Điều 3, các điều 17, 100, 101, 106 Luật Đất đai năm 2013; Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 về hướng dẫn Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; ***tuyên xử:***

1. Về yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất làm lối đi:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc buộc ông Nguyễn C chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất làm lối đi, đối với diện tích đất

tranh chấp 31,4m² thuộc một phần thửa đất số 228, tờ bản đồ số 1, tại thôn A, xã B, huyện H, tỉnh Quảng Nam.

2. Về yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đ, bà T, buộc ông Nguyễn C phải bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn Văn Đ, bà Lê Thị T số tiền 12.480.550 (*mười hai triệu, bốn trăm tám mươi nghìn, năm trăm năm mươi*) đồng. Không chấp nhận phần yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông Đ, bà T đối với số tiền 21.519.450 (*hai mươi một triệu, năm trăm mười chín nghìn, bốn trăm năm mươi*) đồng.

- Chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông H, bà H, buộc ông Nguyễn C phải bồi thường cho ông Nguyễn Văn H, bà Võ Thị Thanh Kim H số tiền 3.500.000 (*ba triệu, năm trăm nghìn*) đồng. Không chấp nhận phần yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông H, bà H đối với số tiền 1.500.000 (*một triệu năm trăm nghìn*) đồng.

- Chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông H1, bà T, buộc ông Nguyễn C phải bồi thường cho ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị T số tiền 5.600.000 (*năm triệu sáu trăm nghìn*) đồng. Không chấp nhận phần yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông H1, bà T đối với số tiền 2.400.000 (*hai triệu bốn trăm nghìn*) đồng.

Tổng số tiền ông Nguyễn C phải bồi thường thiệt hại cho các nguyên đơn là 21.580.550 (*hai mươi một triệu, năm trăm tám mươi nghìn, năm trăm năm mươi*) đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn C về hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL881469 ngày 09 tháng 11 năm 2009 mà Ủy ban nhân dân huyện H đã cấp cho hộ ông Lê Văn M đối với phần diện tích đất tranh chấp 31,4m² thuộc một phần thửa số 228, tờ bản đồ số 1, tại thôn A, xã B, huyện H, tỉnh Quảng Nam.

4. Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Nam điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Lê Văn M đối với diện tích đất đang tranh chấp, đồng thời kiểm tra thực tế, lập kế hoạch sử dụng đất dành cho đường giao thông công cộng hợp lý tại khu vực có đất tranh chấp đi lên núi G để người dân địa phương sử dụng ổn định, lâu dài.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí, chi phí tố tụng, quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Kháng cáo:

Ngày 03/12/2020, ông Nguyễn Văn Đ, bà Lê Thị T, bà Nguyễn Thị T nộp đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về phần bồi thường thiệt hại, yêu cầu bồi thường thiệt hại về cây mía cho ông Nguyễn Văn Đ, bà Lê Thị T số tiền 39.730.000đ và lãi suất Ngân hàng từ 22/7/2019 đến nay; bồi thường thiệt hại cho bà Nguyễn Thị T 8.000.000đ tiền cây keo.

Ngày 23/11/2020, ông Nguyễn C nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Lê Văn M.

Kháng nghị:

Ngày 01/12/2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam có Quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS đề nghị hủy Bản án sơ thẩm số 24/2020/DS-ST ngày 19/11/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, giao hồ sơ vụ án về cấp sơ thẩm giải quyết lại. Lý do kháng nghị:

Tòa án sơ thẩm thụ lý yêu cầu của bị đơn ông Nguyễn C về việc hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Lê Văn M trong vụ án là vi phạm quy định tại Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với yêu cầu này của bị đơn ông Nguyễn C phải được thụ lý giải quyết bằng thủ tục tố tụng hành chính theo quy định tại Điều 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bà Lê Thị T cho rằng vụ án có yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, thiệt hại căn cứ vào thời điểm xảy ra thiệt hại là năm 2019. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Biên bản định giá ngày 15/6/2020 để xác định mức bồi thường thiệt hại là không phù hợp với thiệt hại thực tế; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại về cây mía cho ông Nguyễn Văn Đ, bà Lê Thị T số tiền 39.730.000đ và lãi suất Ngân hàng từ 22/7/2019 đến nay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng rút kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam và đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ, bà Lê Thị T, bà Nguyễn Thị T và kháng cáo của ông Nguyễn C; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng rút kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam. Căn cứ Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ, bà Lê Thị T, bà Nguyễn Thị T và kháng cáo của ông Nguyễn C:

Diện tích đất tranh chấp 31,4m² là một đoạn của con đường lên núi G, nằm trong 10.411m² đất mà cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 881469 ngày 09/11/2009 cho ông Lê Văn M, thuộc khoảnh IV, tiểu khu 505, tại thôn A, xã B, huyện H, tỉnh Quảng Nam. Hộ gia đình ông Nguyễn C là người sử dụng diện tích đất tranh chấp từ năm 1980 đến năm 2007 nhưng không kê khai, đăng ký đất đai, chưa được nhà nước công nhận, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Văn M không phản đối việc sử dụng diện tích đất này làm con đường để nhân dân sử dụng đi lên núi G.

[3] Từ năm 2007, bị đơn ông Nguyễn C và nguyên đơn, cùng những hộ dân khác có đất trên núi G thỏa thuận mở con đường để vận chuyển lâm sản từ trên núi G xuống đường chính, con đường đi qua đất của nhiều hộ dân trong đó có 31,4m² đất nói trên. Năm 2019, do mâu thuẫn cá nhân với ông Đ nên ông C ngăn cản không cho các hộ dân sử dụng con đường để chở lâm sản ở núi G và xảy ra tranh chấp. Theo trình bày của ông Nguyễn C tại biên bản lấy lời khai ngày 11/9/2019 (bút lục 19), đoạn đường đi qua diện tích đất tranh chấp là duy nhất không có con đường nào khác.

[4] Như vậy, có cơ sở xác định: Con đường được mở từ năm 2007 đi qua diện tích đất tranh chấp 31,4m² lên núi G, được cộng đồng dân cư tại địa phương, trong đó có bị đơn cùng sử dụng hơn 10 năm, là không trái pháp luật, thuận tiện cho hoạt động sản xuất của các hộ dân tại địa phương.

[5] Do đó, hành vi của bị đơn cản trở nguyên đơn và các hộ dân khác sử dụng con đường đi qua diện tích đất tranh chấp 31,4m² mà bị đơn đã thỏa thuận mở đường từ năm 2007 là không đúng pháp luật, xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn chấm dứt hành vi cản trở và buộc bị đơn bồi thường thiệt hại do hành vi cản trở gây ra là có căn cứ, đúng pháp luật.

[6] Về giá trị bồi thường thiệt hại: Biên bản định giá ngày 16/9/2019 chỉ có nội dung định giá cây keo, không có nội dung định giá cây mía. Ngày 15/6/2020 Tòa án lập Biên bản định giá bổ sung nội dung định giá cây mía. Việc định giá của Tòa án cấp sơ thẩm là đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ kết quả định giá ngày 16/9/2019 và ngày 15/6/2020, xét lỗi của các bên để quyết định mức bồi thường thiệt hại là phù hợp với qui định của pháp luật. Do đó, quan điểm của Luật sư và kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ, bà Lê Thị T yêu cầu bồi thường thiệt hại về cây mía số tiền 39.730.000đ, kháng cáo của bà Nguyễn Thị T yêu cầu bồi thường thiệt hại về cây keo số tiền 8.000.000đ là không có căn cứ.

[7] Về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Lê Văn M: Vụ án giải quyết tranh chấp về hành vi cản trở quyền sử dụng lối đi được mở từ năm 2007 đôi với diện tích đất 31,4m². Ủy ban nhân dân huyện H xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn M là đúng pháp luật. Do đó, kháng cáo của ông Nguyễn C yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông M là không có cơ sở chấp nhận.

[8] Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ, bà Lê Thị T, bà Nguyễn Thị T và kháng cáo của ông Nguyễn C; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[9] Do kháng cáo không được chấp nhận nên các đương sự phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông Nguyễn C được miễn do là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 289, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ, bà Lê Thị T và bà Nguyễn Thị T.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn C.

3. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam.

4. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2020/DS-ST ngày 19/11/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

5. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Nguyễn Văn Đ và bà Lê Thị T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ, đã nộp tại biên lai số 0002587 ngày 21/11/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

- Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ, đã nộp tại biên lai số 0002588 ngày 21/11/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

- Ông Nguyễn C được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Tự